Mai Bùi. Các yếu tố đóng góp vào tăng trưởng GDP bình quân người của các quốc gia trên thế giới giai đoạn 2010-2019 theo cách tiếp cận phân rã. *Đặc san Nghiên cứu Chính sách và Phát triển*, 1(2022), 46-60.

Đặc san Nghiên cứu Chính sách và Phát triển

© Học viện Chính sách và Phát triển, 2022
© CSR, 2022

Bài báo khoa học

Các yếu tố đóng góp vào tăng trưởng GDP bình quân người của các quốc gia trên thế giới giai đoạn 2010-2019 theo cách tiếp cận phân rã

Bùi Thị Hoàng Mai (ThS.)
Khoa Kinh tế Phát triển
Học viện Chính sách và Phát triển
Email: buihoangmai@apd.edu.vn

TÓM TẮT. Nghiên cứu này sử dụng cách tiếp cận phân rã cộng để đánh giá đóng góp của các yếu tố: thay đổi phân bổ lao động giữa các ngành, năng suất lao động của các ngành, và tăng trưởng dân số vào tăng trưởng GDP bình quân người của 206 quốc gia và nhóm quốc gia trên thế giới trong thập niên 2010 - 2019. Kết quả tính toán cho thấy đóng góp của thay đổi phân bổ lao động giữa các ngành giữ vai trò như một bệ đỡ ổn định và là động cơ chính cho tăng trưởng kinh tế của hầu hết các quốc gia kể từ năm 2012. Tuy nhiên, các nước đứng đầu thế giới về tốc độ tăng trưởng GDP/người là các nước có tăng trưởng năng suất ngành giữ vai trò động cơ chính của tăng trưởng kinh tế. Tính chung cho toàn bộ mẫu, khoảng 30% trong tăng trưởng GDP của các quốc gia là để bù đắp cho sự gia tăng của dân số mỗi năm. Kết quả nghiên cứu đặt ra yêu cầu cần phải đánh giá lại tính phù hợp của lý thuyết tái phân bổ lao động trong thời kỳ hiện đại.

Từ khóa: *tăng trưởng GDP bình quân người, phương pháp phân rã, phân bổ lao động, động cơ tăng trưởng*

Ngày nhận bài:
15 tháng 12, 2021
Bản sửa lần 1:
26 tháng 12, 2021
Ngày duyệt bài:
31 tháng 12, 2021

Mã số: ĐS050122

ABSTRACT. This research utilizes additive decomposition analysis to calculate the contributions of underlying factors, including labor allocation effect, sectoral productivity effect, and population growth in growth in GDP per capita of 206 nations and group of nations in the world in the decade 2010 - 2019. The results show that the labor allocation effect has served as a stabilizing platform and the main engine for the economic growth of most countries since 2012. However, in the countries that lead the world in terms of GDP per capita growth, the sectoral productivity effect is the key driver of economic growth. About 30% of GDP growth is offset by population growth each year in countries sampled. The research result call for further research to re-evaluate the relevance of the theory of labor reallocation in the modern era.

Key words: *GDP per capita growth, decomposition analysis method, labor allocation, the drivers of growth*

1. Giới thiệu

Tăng trưởng GDP bình quân đầu người là một thước đo quan trọng về thay đổi mức sống của người dân một nước và cũng là chỉ tiêu quan trọng để so sánh trình độ phát triển giữa các quốc gia. Vì vậy, tăng trưởng GDP/người được xem là một mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của mỗi nền kinh tế.

Có nhiều cách tiếp cận để trả lời câu hỏi tại sao tăng trưởng GDP/người của quốc gia này lại cao hơn so với quốc gia khác. Các nhà kinh tế học trước những năm 1950 (A.Smith,1776; D.Ricardo, 1817; Thomas Malthus, 1798; Frank Ramsey, 1928; Allyn Young, 1928, Harrod, 1939 và Domar, 1946) nhấn mạnh vai trò của tài nguyên thiên nhiên, tiết kiệm - đầu tư và vốn vật chất. Solow (1956) và Swan (1956) nhấn mạnh vai trò của tiến bộ công nghệ. Các nhà kinh tế học sau đó Arrow (1962), Sheshinski (1967), Lucas (1988), Romer (1990)) đã đưa thêm vai trò của nhân lực chất lượng cao, đầu tư nước ngoài, các hoạt động nghiên cứu và triển khai có chủ đích được thực hiện bởi các công ty xuất khẩu lớn có sức mạnh độc quyền, *v.v*...Các lý thuyết này chủ yếu được sử dụng để giải thích mô hình tăng trưởng ở các nước có thu nhập cao. Một lý thuyết khá nổi tiếng giai đoạn sau năm 1970 được trình bày trong Kuznets (1971) là lý thuyết tái phân bổ lao động. Lý thuyết này xuất phát từ quan sát thực nghiệm cho thấy ở nhiều nước đang phát triển, tăng trưởng chậm lại chỉ sau giai đoạn tăng tốc ban đầu. Lý thuyết về tái phân bổ lao động cho rằng các nước kém phát triển có thể tăng trưởng gia tốc trong giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa do dịch chuyển nguồn lực từ khu vực nông nghiệp và sản xuất truyền thống sang khu vực năng suất cao hơn. Sự bắt kịp công nghệ được quy tụ vào ngành công nghiệp. Khi công nghiệp mở rộng, lao động được rút khỏi nông nghiệp và năng suất trung bình tăng lên, tạo ra tốc độ tăng trưởng cao trong giai đoạn đầu. Sau cùng, tác động tái phân bổ lao động giảm dần dẫn đến tác động hội tụ, với tốc độ tăng trưởng chậm dần.

Một số nghiên cứu sau đó đã kiểm chứng lý thuyết này. Young (1992), Kgrugman (1994) cho rằng gia tăng số lượng đầu vào và tích lũy vốn vào những ngành công nghiệp và dịch vụ là yếu tố giải thích cho tăng trưởng nhanh ở các nền kinh tế khu vực châu Á. Felipe (1997) cũng cho rằng tăng trưởng nhanh ở khu vực châu Á là không bền vững vì gia tăng và việc dịch chuyển đầu vào giữa các ngành sẽ đạt đến một giới hạn nhất định và các quốc gia này sẽ gặp phải hiệu ứng bắt kịp và hội tụ. Romer (1993) cho rằng tốc độ tăng trưởng cao của các nền kinh tế ở châu Á có được nhờ đóng góp của yếu tố năng suất nhân tố tổng hợp và công nghệ của nước ngoài. Nelson và Pack (1999) cho rằng việc dịch chuyển nguồn lực giữa các khu vực doanh nghiệp và giữa các ngành là động cơ chính của tăng trưởng nhanh ở các nền kinh tế châu Á. Các nghiên cứu kể trên đều có đặc điểm chung là không đề cao vai trò của năng suất lao động, và nhận định khả năng chững lại của kinh tế khu vực châu Á do các nền kinh tế ở đây dựa vào động cơ thay đổi phân bổ

nguồn lực giữa các ngành để đạt được tăng trưởng cao trong giai đoạn đầu của thời kỳ công nghiệp hóa. Một số nghiên cứu khác cũng được thực hiện với đa dạng các nền kinh tế như Maddison (1987), Timmer và cộng sự (2014), McMillan (2014) cũng chỉ ra sự suy giảm trong đóng góp của tái phân bổ lao động tới tăng trưởng kinh tế khi các nền kinh tế dịch chuyển lên mức thu nhập cao hơn. Một nghiên cứu nổi bật khác với dữ liệu thực nghiệm phong phú và khoảng thời gian nghiên cứu dài hơn của Foster và cộng sự (2016) đã chứng minh vai trò của năng suất lao động trong tăng trưởng kinh tế các quốc gia. Tuy nhiên nghiên cứu này cũng có cùng kết luận với các nghiên cứu trước đó về sự suy giảm tác động của tái phân bổ lao động giữa các ngành đến tăng trưởng kinh tế. Các tác giả đã sử dụng phương pháp phân rã cộng với dữ liệu của 43 quốc gia trong và ngoài châu Á trong giai đoạn 1950 - 2010 để tính toán đóng góp của chuyển dịch cơ cấu lao động, thay đổi năng suất lao động ở các ngành, và thay đổi tỷ lệ lao động tham gia làm việc trên tổng số dân vào tăng trưởng GDP/người của các quốc gia. Kết quả cho thấy đóng góp của chuyển dịch cơ cấu lao động tới tăng trưởng kinh tế giảm đi khi các quốc gia có mức thu nhập cao hơn. Động cơ chính của tăng trưởng GDP/người ở các nước châu Á và cả các nước ngoài châu Á là tăng trưởng năng suất lao động của các ngành.

Ở Việt Nam, một số nghiên cứu cũng đã được thực hiện cho trường hợp Việt Nam như Nguyễn Thị Tuệ Anh và cộng sự (2007), Nguyễn Thị Tuệ Anh và cộng sự (2015), Bùi Thị Hoàng Mai (2017), Võ Xuân Hoài và Bùi Thị Hoàng Mai (2020). Kết hợp kết quả các nghiên cứu đã chỉ ra các động cơ chính của tăng trưởng năng suất lao động bình quân của nền kinh tế và động cơ chính của tăng trưởng GDP Việt Nam qua các thời kỳ từ năm 1995 - 2018.

Bối cảnh nghiên cứu cho thấy các nghiên cứu đã thực hiện mới chỉ dừng lại ở một khu vực hoặc một số lượng nhất định các nền kinh tế trong giai đoạn trước năm 2010. Nghiên cứu bao quát các nền kinh tế trên thế giới với dữ liệu cập nhật từ sau năm 2010 trở đi vẫn còn bỏ ngỏ. Vì vậy, câu hỏi về việc liệu động cơ tăng trưởng của các quốc gia có thay đổi trong thập kỷ 2010 so với các nghiên cứu trước hay không, lý thuyết tái phân bổ lao động có còn phù hợp trong giai đoạn này hay không vẫn chưa có câu trả lời thỏa đáng.

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân rã để đánh giá đóng góp của các yếu tố thay đổi phân bổ lao động giữa các ngành, thay đổi năng suất lao động của mỗi ngành, và tăng trưởng dân số vào tăng trưởng GDP/người của các quốc gia trên thế giới. Nghiên cứu này thực hiện trên một mẫu rộng hơn gồm 206 quốc gia và nhóm quốc gia để có cái nhìn toàn cảnh hơn về động cơ tăng trưởng của các nước trên toàn thế giới. Giai đoạn nghiên cứu là 2010 - 2019 để tiếp nối các nghiên cứu trước đây về động cơ tăng trưởng của các quốc gia. Kết quả phân rã được thực hiện qua từng năm để đánh giá động cơ chính của tăng trưởng của từng quốc gia qua mỗi năm. Mối quan hệ giữa các động cơ chính và mức thu nhập bình quân đầu người của các quốc gia được biểu diễn thông qua đồ thị làm trơn biểu đồ phân tán có trọng số địa phương (Locally Weighted Scatterplot Smoothing - LOWESS). Kết quả nghiên cứu với mẫu 206 quốc gia cho thấy khác với các giai đoạn trước, trong 10 năm

từ 2010 - 2019, tác động của phân bổ tái phân bổ lao động là rất cao khi các quốc gia ở trình độ GDP/người dưới 5000 USD, sau đó giảm và duy trì ở một mức ổn định khi các quốc gia có thu nhập cao hơn. Phần lớn các quốc gia, kể cả nhóm có thu nhập thấp, hay nhóm có thu nhập cao đều dựa vào thay đổi phân bổ lao động trong các ngành làm bệ đỡ ổn định, thậm chí là động cơ chính của tăng trưởng GDP/người. Tác động của thay đổi năng suất lao động của các ngành, yếu tố vốn được coi là bắt nguồn từ tiến bộ công nghệ, lại là động cơ có biến động thất thường ở phần lớn các quốc gia trong mẫu nghiên cứu. Tuy nhiên, với các quốc gia có thành quả tăng trưởng GDP/người cao hàng đầu thế giới, thay đổi năng suất lao động của các ngành hầu như luôn chiếm vị trí chủ yếu đóng góp vào tăng trưởng thu nhập bình quân người của quốc gia.

Nghiên cứu này có hai đóng góp quan trọng. Thứ nhất, nó cung cấp bằng chứng thực nghiệm về vai trò của thay đổi phân bổ lao động, đưa ra các khuyến nghị về chiến lược phát triển kinh tế quốc gia, và đặt ra yêu cầu cần kiểm chứng lại lý thuyết về tác động của tái phân bổ lao động tới tăng trưởng kinh tế. Thứ hai, nghiên cứu chỉ ra các yếu tố đóng góp vào tăng trưởng GDP/người của các nước có thành tích tăng trưởng cao nổi bật trên thế giới, từ đó đưa ra kết luận về con đường để đạt được tăng trưởng cao trong thời gian dài cho các quốc gia.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân rã cộng được đề xuất bởi Fabricant (1942) để tính toán đóng góp của các yếu tố thay đổi quy mô lao động của các ngành, thay đổi năng suất lao động của các ngành, và tăng trưởng dân số vào tăng trưởng GDP/người của các quốc gia. Trước tiên, tăng trưởng GDP/người (ký hiệu: Y/N) có thể biểu diễn dưới dạng trong đó Y là GDP, N là dân số. Dấu "." biểu thị tỷ lệ tăng trưởng của biến số. Giả sử số lao động ngành i là L_i, sản lượng của ngành i là Y_i. Tổng số lao động của cả nền kinh tế là L. Gọi W_i và W tương ứng là năng suất lao động của ngành i và năng suất lao động bình quân của cả nền kinh tế. Ta có:

Từ thời kỳ 0 đến thời kỳ t, giá trị sản lượng tương ứng là Y^0 và Y^t.

Ta có: (1)

Cấu phần thứ nhất của tổng bên vế phải của công thức (1) cho biết đóng góp của thay đổi năng suất lao động các ngành đến tăng trưởng kinh tế (Sau đây gọi là *hiệu ứng nội ngành*). Cấu phần thứ hai của tổng bên vế phải phương trình (1) cho biết đóng góp của thay đổi phân bổ lao động vào các ngành đến tăng trưởng kinh tế. Chú ý rằng phân bổ lao động của các ngành trong một nền kinh tế thay đổi có thể do dịch chuyển lao động từ ngành này sang ngành khác và/hoặc do thay đổi lượng lao động tham gia làm việc trong nền kinh tế. Vì vậy, cấu phần thứ hai này thể hiện kết hợp ảnh hưởng của thay đổi quy mô lao động tự nhiên và thay đổi quy mô lao động do dịch chuyển cơ cấu lao động tới tăng trưởng kinh tế (Sau đây gọi là *hiệu ứng phân bổ lao động ngành*). Cấu phần còn lại cho biết đóng góp do tương tác của thay đổi năng suất lao động các ngành và thay đổi quy mô lao động của các ngành tới tăng trưởng kinh tế (Sau đây gọi là *hiệu ứng động*).

Khi một hiệu ứng mang dấu dương (âm), nó làm cho tổng bên vế phải của (1) tăng lên (giảm xuống). Điều này biểu thị sự thay đổi của nhân tố tương ứng đã góp phần

làm gia tăng (cản trở) tăng trưởng kinh tế. Hiệu ứng dương và lớn nhất được coi là động cơ chính của tăng trưởng kinh tế trong thời kỳ tương ứng.

Hiệu ứng nội ngành là dương khi tăng trưởng có trọng số theo quy mô lao động của năng suất ngành là dương. Hiệu ứng phân bổ lao động là dương khi lao động được phân bổ vào các ngành có năng suất cao tăng lên. Hiệu ứng động là dương khi việc thay đổi phân bổ lao động vào các ngành không làm giảm năng suất của ngành đó. Như vậy, tăng trưởng GDP của một nền kinh tế có thể được tạo ra nhờ việc tăng năng suất lao động trong mỗi ngành, tăng phân bổ lao động vào những ngành có năng suất cao, và duy trì tăng năng suất của các ngành trong quá trình phân bổ lao động của nền kinh tế.

Tăng trưởng GDP/người là phần chênh lệch giữa tăng trưởng GDP và tăng trưởng dân số. Ta có: (2)

Từ công thức (2), có thể thấy tăng trưởng GDP/người được quyết định bởi hiệu ứng nội ngành, hiệu tăng phân bổ lao động ngành, hiệu ứng động, và tăng trưởng dân số của nền kinh tế.

3. Dữ liệu và phân tích mô tả

3.1. Dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu Các chỉ tiêu Phát triển Thế giới (World Development Indicators - WDI) của Ngân hàng thế giới trong giai đoạn 2010 - 2019, với phiên bản cập nhật ngày 23/11/2021. Các nền kinh tế được phân thành ba ngành: Công nghiệp - xây dựng, Dịch vụ, Nông - lâm - thủy sản. Số liệu về sản lượng của các ngành được lấy theo số liệu về giá trị gia tăng của các ngành theo giá cố định 2015. Mẫu nghiên cứu gồm 206 quốc gia/nhóm quốc gia có đầy đủ dữ liệu trong giai đoạn 2010 - 2019, với tỷ lệ phân nhóm theo GDP bình quân người năm 2019 như sau:

Bảng 1: Số quốc gia trong mẫu nghiên cứu theo GDP bình quân người

GDP/người (giá cố định 2015)	< $1000	$1000 - $5000	$5000 - $10000	$10000 - $15000	$15000 - $20000	> $20000	Tổng
Số quốc gia	22	76	38	21	9	40	206
Tỷ lệ (%)	10.6	37.2	18.4	10.1	4.3	19.3	100

3.2. Phân tích mô tả

Biểu đồ 1a, 1b, 1c lần lượt phản ánh mối quan hệ giữa GDP bình quân đầu người và tỷ trong lao động các ngành các năm 2010, 2015 và 2019. Nhìn chung, tỷ trọng lao động ngành dịch vụ tăng lên khi thu nhập bình quân đầu người của các quốc gia tăng lên. Ngược lại, tỷ trong lao động ngành công nghiệp chỉ tăng đến một mức giới hạn (khoảng 30% tại ngưỡng thu nhập 20000USD/người) trong quá trình công nghiệp hóa rồi giảm dần và ổn định khi các quốc gia lên đến các ngưỡng thu nhập cao hơn. Tỷ trọng lao động ngành nông nghiệp giảm nhanh về mức 5% khi thu nhập bình quân người của các quốc gia dưới 20000

USD/người, rồi sau đó giảm từ từ và ổn định ở mức 2 - 3%. Tính chung trên toàn thế giới, tỷ trọng lao động ngành dịch vụ tăng mạnh từ 20 - 60% khi một quốc gia trải qua quá trình tăng trưởng lên đến mức GDP/người đạt 10000USD, sau đó tăng từ từ trong khoảng từ 60% lên 68% khi quốc gia ở ngưỡng thu nhập từ 10000 - 20000USD/người, rồi lên đến 72% khi quốc gia bước sang ngưỡng thu nhập 20000 - 30000USD/người, sau đó chỉ tăng thêm 3 - 5 điểm % khi quốc gia ở mức thu nhập từ 30000 - 60000 USD/người. Con số này tiếp tục tăng lên mức 80% hoặc hơn khi quốc gia ở mức thu nhập trên 60000 USD/người.

Hình 1: Mối quan hệ giữa mức thu nhập và tỷ trọng lao động theo ngành của các nền kinh tế trên thế giới qua các năm 2010, 2015 và 2019 qua phương pháp làm trơn LOWESS

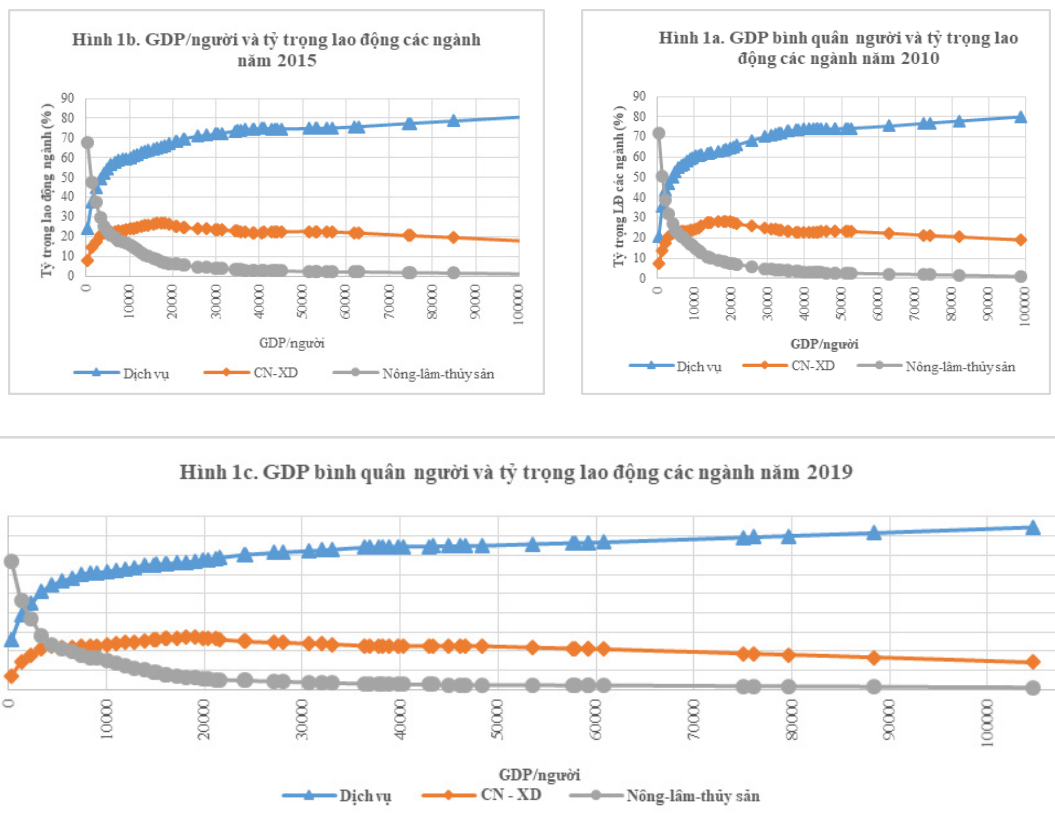

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu WDI

Nhìn chung, những thay đổi mạnh mẽ ở các quốc gia xảy ra ở giai đoạn thu nhập bình quân người dưới 10000 USD, và những thay đổi chậm hơn để tiến đến các bước ngoặt ở giai đoạn thu nhập bình quân người từ 10000 - 20000 USD. Sau mức thu nhập này, những thay đổi trong cơ cấu lao động diễn ra theo xu hướng và vận tốc tương đối ổn định.

Hình 2a, 2b, 2c biểu diễn mối quan hệ giữa năng suất lao động các ngành và GDP/người các năm 2010, 2015, và 2019. Có thể thấy ngành công nghiệp - xây dựng luôn dẫn đầu về năng suất ở tất cả các năm ở tất

cả các trình độ thu nhập. Chênh lệch năng suất giữa ngành công nghiệp - xây dựng và ngành dịch vụ là không nhiều. Ngành nông nghiệp có năng suất tăng nhanh khi quốc gia có thu nhập dưới 40000USD/người và đạt đỉnh khoảng 47000 USD/lao động rồi hầu như không thay đổi khi các quốc gia dịch chuyển lên mức thu nhập cao hơn. Mức năng suất của các ngành có mối quan hệ chặt chẽ với mức thu nhập. Mối quan hệ này thay đổi không đáng kể qua thời gian. Để lên mức thu nhập 10000 USD/người, năng suất các ngành phải đạt lần lượt là 21800 USD/lao động/năm (cho ngành dịch vụ), 29900 USD/lao động/năm (cho ngành công nghiệp - xây dựng), 12200 USD/lao động/năm (cho ngành nông - lâm - thủy sản). Các con số tương ứng với mức thu nhập 20000 USD/người là 41400, 52000, 20000 USD/lao động/năm; với mức thu nhập 30000USD/người là 56000, 73000, 32000 USD/lao động/năm… Kết quả này là thông tin cần thiết cho xây dựng chiến lược phát triển quốc gia.

Hình 2: Mối quan hệ giữa GDP bình quân người và năng suất lao động theo ngành của các nền kinh tế trên thế giới qua các năm 2010, 2015, và 2019 bằng phương pháp làm trơn LOWESS

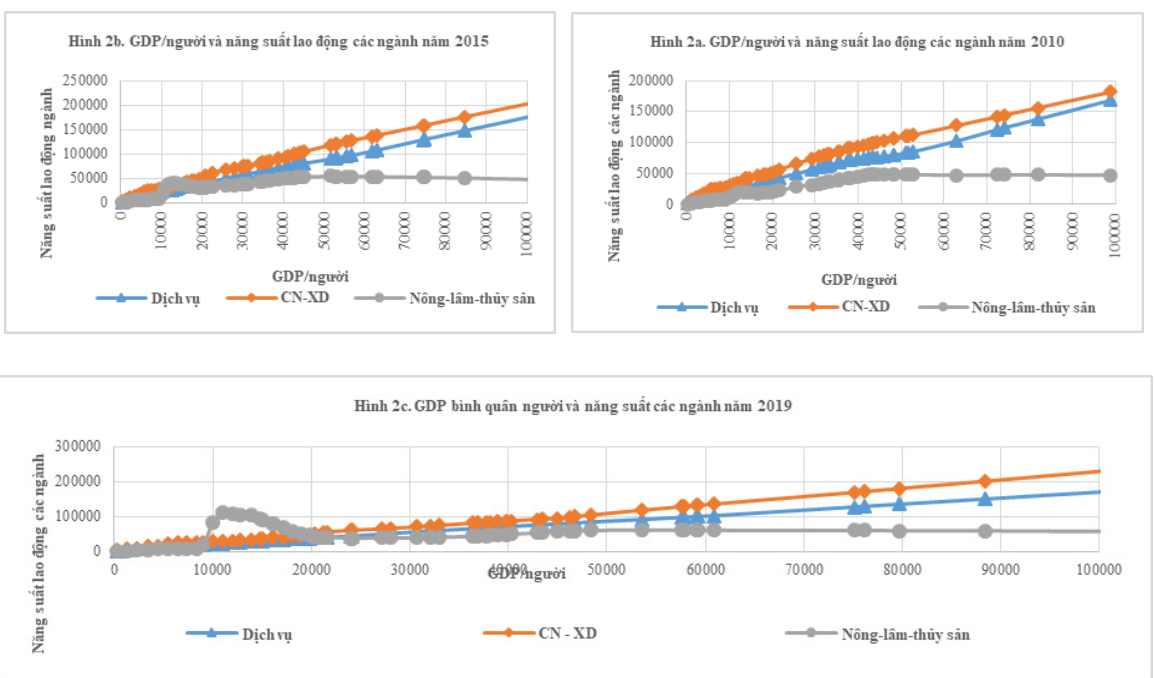

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu WDI

Hình 3a, 3b, 3c biểu thị mối quan hệ giữa GDP/người và tăng trưởng dân số tương ứng ở các năm 2010, 2015, và 2019 theo phương pháp làm trơn đồ thị phân tán. Có thể thấy, tỷ lệ tăng dân số giảm đi tại mỗi mức thu nhập tương ứng theo thời gian. Nhìn chung, mức tăng trưởng dân số có xu hướng giảm nhanh từ 3% xuống 1.5% khi các quốc gia dịch chuyển lên mức thu nhập trung bình thấp, rồi chững ở mức gần 1% trong giai đoạn tăng thu nhập rất dài sau đó. Điều này một mặt sẽ bớt gánh nặng cho tăng trưởng GDP/người, nhưng mặt khác sẽ hạn chế động lực tăng trưởng kinh tế nhờ tăng quy mô lao động.

Hình 3: Mối quan hệ giữa GDP bình quân người và tăng trưởng dân số của các nền kinh tế trên thế giới qua các năm 2010, 2015, và 2019 bằng phương pháp làm trơn LOWESS

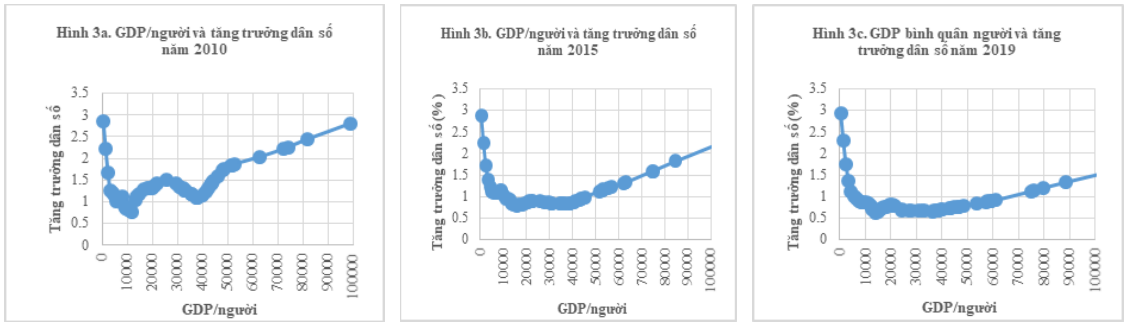

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu WDI

3.3. Kết quả phân tích thực nghiệm

Bảng 2 trình bày giá trị trung bình của đóng góp của các yếu tố tới tăng trưởng GDP/người của các quốc gia trong mẫu nghiên cứu.

Bảng 2: Trung bình đóng góp của các yếu tố tới tăng trưởng GDP/người của các nền kinh tế trên thế giới giai đoạn 2010 - 2019

	Hiệu ứng phân bổ	Hiệu ứng nội ngành	Hiệu ứng động	Tăng trưởng dân số
2010	2.17	3.63	0.05	1.56
2011	2.54	3.42	0.03	1.52
2012	2.41	1.69	-0.01	1.51
2013	2.26	1.33	-0.06	1.50
2014	2.53	1.21	-0.06	1.48
2015	2.44	0.52	-0.08	1.46
2016	2.12	0.94	-0.05	1.45
2017	2.37	1.13	-0.05	1.42
2018	2.51	0.81	-0.07	1.39
2019	2.22	0.59	-0.03	1.34

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu WDI

Trong cả thập niên thứ hai của thế kỷ 21, tăng trưởng dân số làm giảm khoảng 1/3 số điểm phần trăm tăng trưởng của GDP bình quân người ở các quốc gia. Tỷ lệ này cao hơn ở các quốc gia có thu nhập cao, nơi mà tỷ lệ tăng dân số lên đến gần 1.5%. Đây là một bằng chứng thực nghiệm về ảnh hưởng của gia tăng dân số tới tăng trưởng mức sống bình quân của người dân một nước trong mô hình Solow.

Hiệu ứng nội ngành chỉ đóng vai trò là động cơ chính trong tăng trưởng kinh tế của hầu hết các quốc gia trong hai năm 2010 và 2011, với mức đóng góp trung bình là 3.63 và 3.42 điểm %. Kể từ năm 2012, đóng

góp của hiệu ứng này giảm mạnh, chỉ còn xung quanh 1 điểm %, không đủ để bù đắp cho tăng trưởng dân số. Động cơ chính của tăng trưởng GDP/người của các nền kinh tế thế giới từ sau năm 2012 là hiệu ứng phân bổ lao động giữa các ngành. Điểm % đóng góp của hiệu ứng phân bổ tương đối ổn định trong suốt thời kỳ nghiên cứu, dao động quanh mức 2.3 điểm %. Trong các lý thuyết phát triển kinh tế được tổng hợp dựa trên dữ liệu các quốc gia từ những năm trước năm 2000, vai trò của hiệu ứng phân bổ được khẳng định là sẽ giảm dần khi các quốc gia dịch chuyển từ mức thu nhập thấp lên mức thu nhập cao. Tuy nhiên, kết hợp quan sát từ đồ thị tại Phụ lục 01 và kết quả tính toán giá trị trung bình của các hiệu ứng tại Bảng 2, có thể thấy việc phân bổ lao động giữa các ngành luôn giữ vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế của các quốc gia, kể cả các quốc gia ở trình độ thu nhập cao, trong thập niên 2010 - 2019. Kết quả này là khác biệt so với nhận định của lý thuyết tái phân bổ lao động, từ đó đặt ra yêu cầu cần kiểm chứng sự phù hợp của lý thuyết này trong thời kỳ hiện đại.

Trong suốt giai đoạn nghiên cứu, dấu của hiệu ứng động chỉ nhận giá trị dương trong hai năm 2010 - 2011 và nhận giá trị âm trong các năm từ 2012 trở đi. Điều này một lần nữa phản ánh việc phân bổ quá nhiều lao động vào một số ngành đã làm cho năng suất của các ngành này giảm xuống. Điều này cũng một phần lý giải hiện tượng sụt giảm số điểm % đóng góp của hiệu ứng nội ngành.

Các đồ thị của Phụ lục 01 cho thấy, mô hình tăng trưởng có sự khác biệt đáng kể giữa các quốc gia có GDP/người dưới 20.000USD. Ở các quốc gia có thu nhập bình quân người dưới 5000USD, cơ hội tăng trưởng tổng GDP từ 7 - 8%/năm là dễ dàng đạt được nhờ sự đóng góp chủ yếu của hiệu ứng phân bổ lao động và một phần nhỏ hơn là hiệu ứng tăng trưởng năng suất ngành. Đóng góp của mỗi hiệu ứng này có thể lên tới 3 đến 4 điểm %, thậm chí cao hơn. Với tăng trưởng dân số khoảng 2%, tăng trưởng GDP bình quân người của các quốc gia này dao động phổ biến quanh mức 5 - 6%. Mặc dù vậy, đóng góp của các động cơ giảm sút nhanh đáng kể khi các quốc gia dịch chuyển lên các mức thu nhập cao hơn, đặc biệt là hiệu ứng phân bổ lao động. Đóng góp của hiệu ứng phân bổ lao động giảm nhanh từ mức khoảng 4 điểm % xuống chỉ còn khoảng 2 - 3 điểm % khi các quốc gia ở vào mức thu nhập khoảng 5000USD/người. Cùng với đóng góp của hiệu ứng tăng trưởng năng suất lao động nội ngành chỉ ở mức từ 1 - 2%, trong khi tăng trưởng dân số ở mức 1%, tăng trưởng GDP/người của các quốc gia này phổ biến trong mức 3 - 5%. Vì vậy, bước chuyển từ mức thu nhập 5000USD/người lên 10000USD/người trở thành con đường dài nhiều khó khăn. Mật độ dày đặc của quốc gia ở ngưỡng thu nhập này cho thấy không nhiều quốc gia có thể bứt phá để vượt lên nhóm có thu nhập cao hơn.

Trong hầu hết các năm, ở khu vực của các nước có thu nhập theo GDP bình quân người từ 10000 - 20000USD, hiệu ứng phân bổ đóng góp khoảng 2 điểm %. Hiệu ứng nội ngành đóng góp xung quanh 1 - 2 điểm %. Với tăng trưởng dân số khoảng 1%, tăng trưởng GDP/người của các quốc gia này phổ biến ở mức xung quanh 3%. Đáng chú ý là những năm trước đây (2010 - 2015),

đóng góp của hiệu ứng phân bổ có xu hướng giảm khi các quốc gia có thu nhập cao hơn trên dải 10000 - 20000 USD/người. Điều này cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu trước đó của Foster và cộng sự (2016), Timmer và cộng sự (2014), McMillan (2014). Tuy nhiên, các đồ thị của Phụ lục 01 cho thấy từ sau năm 2016, hiệu ứng phân bổ không những vẫn là động cơ chính của tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia, mà còn có xu hướng tăng lên khi nền kinh tế dịch chuyển từ mức 10000USD/người lên mức 20000USD/người. Kết quả này cho thấy cần có sự xem xét lại và cập nhật lý thuyết về vai trò của chuyển dịch cơ cấu lao động đối với tăng trưởng kinh tế dựa trên thực tế tăng trưởng kinh tế của các quốc gia.

Đối với các nước có thu nhập tính theo GDP/người từ 20000 - 40000USD, hiệu ứng nội ngành chỉ đóng góp dưới hoặc xung quanh mức 1 điểm %, một mức khiêm tốn nhất so với các ngưỡng thu nhập khác. Điều này cho thấy tăng năng suất lao động của các ngành khi nền kinh tế đã đạt đến ngưỡng thu nhập này không phải là điều dễ. Trừ các năm từ 2010 - 2012, đồ thị các năm từ 2013 cho thấy đóng góp của hiệu ứng phân bổ cao hơn hẳn, ở mức lớn hơn hoặc xung quanh 2 điểm %, có thể thấy rằng phân bổ lao động vẫn là động cơ chính của tăng trưởng kinh tế các quốc gia trong giai đoạn nghiên cứu. Các quốc gia ở ngưỡng thu nhập này có tốc độ tăng trưởng dân số chủ yếu dưới 1 điểm %. Do vậy, mức tăng trưởng GDP/người phổ biến của các quốc gia ở mức thu nhập theo GDP/người từ 20000 - 40000 USD là khoảng hơn 2 điểm %. Tuy nhiên, sự suy giảm đóng góp của hiệu ứng phân bổ ở các quốc gia có thu nhập cao hơn trong ngưỡng này cũng là dấu hiệu của những thách thức để mỗi quốc gia vượt mốc thu nhập 40000USD/người để lên mức cao hơn.

Các quốc gia trong ngưỡng thu nhập theo GDP/người từ 40000 - 60000USD/người cũng dựa trên động cơ chính cho tăng trưởng là thay đổi phân bổ lao động giữa các ngành của nền kinh tế. Đóng góp của động cơ này vào khoảng 2 điểm %. Hiệu ứng nội ngành đóng góp xung quanh 1 điểm %. Tuy nhiên, dân số tăng trưởng cao hơn 1 điểm % làm cho tăng trưởng GDP/người bị ảnh hưởng nhiều. Các nước trong ngưỡng thu nhập này có cơ hội đạt tăng trưởng GDP/người phổ biến ở mức quanh 2%.

Chỉ có 6/206 quốc gia có GDP/người trên 60000USD trong mẫu nghiên cứu (chiếm tỷ lệ 2.4%) nên có thể chưa có đủ tính tin cậy để tìm ra quy luật về phát triển kinh tế ở những nước có GDP/người trên 60000USD. Tuy nhiên, có thể quan sát được sự đóng góp ổn định của thay đổi phân bổ lao động tới tăng trưởng GDP/người của các nền kinh tế này trên đồ thị của tất cả các năm. Đóng góp của hiệu ứng nội ngành trên đồ thị của mỗi năm đều có sự khác biệt nên khó có thể công nhận vai trò của hiệu ứng này đối với tăng trưởng kinh tế của các quốc gia có thu nhập cao. Điều này một lần nữa càng khẳng định vai trò của phân bổ lao động tới tăng trưởng GDP/người của các nền kinh tế.

Mặc dù kết quả tính toán mối quan hệ giữa hiệu ứng phân bổ và GDP/người ở các quốc gia khẳng định vai trò động cơ chính của hiệu ứng phân bổ trong tăng trưởng GDP/người ở nhiều nước trong giai đoạn 2012 - 2019, việc quan sát riêng từng quốc gia cho thấy các quốc gia có tốc độ tăng trưởng GDP/người cao hàng đầu thế giới

trong giai đoạn 2010 - 2019 như Trung Quốc, Việt Nam, Malaysia, Ba Lan, Latvia, Estonia, Panama, Lithuania, lại là các quốc gia có động cơ tăng trưởng chính là tăng năng suất lao động trong các ngành. Điều này đặt ra yêu cầu cần có những nghiên cứu sâu hơn để đánh giá mối quan hệ giữa động cơ chính của tăng trưởng và khả năng một quốc gia đạt được tăng trưởng cao trong quá trình phát triển. Tuy nhiên, những tính toán chung trên toàn thế giới cho thấy, dù ở trình độ thu nhập nào, hiệu ứng phân bổ lao động vẫn giữ vai trò quan trọng như một bệ đỡ ổn định cho tăng trưởng thu nhập của quốc gia.

4. Kết luận và hàm ý chính sách

Kết quả phân tích mô tả, phân tích phân rã kết hợp với phương pháp LOWESS đã chỉ ra một số đặc điểm nổi bật của kinh tế thế giới trong giai đoạn 2010 - 2019 và đưa đến một số hàm ý chính sách quan trọng sau:

Thứ nhất, các quốc gia có GDP/người cao thường có tỷ trọng lao động làm việc trong ngành dịch vụ cao hơn. Tỷ trọng này đạt khoảng 60% khi quốc gia ở ngưỡng thu nhập 10000 USD/người, 60 - 68% đối với các quốc gia có thu nhập từ 10000 - 20000 USD/người, 68 - 72% đối với các quốc gia thuộc ngưỡng thu nhập từ 20000 - 30000 USD/người, và cao hơn khoảng 2 - 3 điểm % trong mỗi ngưỡng thu nhập tiếp theo cho đến khi đạt hơn 80%. Tỷ trọng lao động làm việc trong ngành công nghiệp - xây dựng không tăng cùng với mức tăng thu nhập của quốc gia mà chững lại ở mức khoảng 30% rồi giảm dần ở các quốc gia với mức thu nhập cao hơn. Tỷ trọng lao động ngành nông - lâm - thủy sản giảm nhanh khi quốc gia dịch chuyển trong ngưỡng thu nhập dưới 20000 USD/người, sau đó ổn định ở mức 1 - 3% tổng việc làm của nền kinh tế. Vì vậy, chiến lược phát triển kinh tế của mỗi quốc gia cần chú trọng đào tạo và dịch chuyển lao động hợp lý theo xu hướng chung về thay đổi cơ cấu lao động trong quá trình phát triển của các nền kinh tế.

Thứ hai, ở tất cả các trình độ thu nhập, năng suất lao động ngành công nghiệp - xây dựng đang là lớn nhất, tiếp đó là ngành dịch vụ, và cuối cùng là ngành nông nghiệp. Năng suất lao động các ngành công nghiệp - xây dựng và ngành dịch vụ có xu hướng tăng cùng với mức tăng thu nhập của quốc gia, còn năng suất lao động ngành nông - lâm - thủy sản chững lại ở mức xấp xỉ 50000 USD/người/năm (tính theo giá cố định). Mỗi mức GDP/người cao hơn lại tương ứng với một mức năng suất của các ngành dịch vụ, và ngành công nghiệp - xây dựng cao hơn. Do đó, khi ở trình độ thu nhập thấp, các quốc gia có thể tăng tốc năng suất ngành nông - lâm - thủy sản để làm bàn đạp tăng trưởng ban đầu. Đồng thời, cần xây dựng lộ trình tăng năng suất lao động các ngành công nghiệp - xây dựng và ngành dịch vụ. Hiện đại hóa và tổ chức sản xuất tiên tiến có thể là chìa khóa để nâng cao năng suất nội ngành. Việc liên tục tạo ra chênh lệch năng suất lao động giữa các ngành sẽ tạo động lực dịch chuyển lao động giữa các ngành và tạo ra tăng trưởng từ việc phân bổ lại lao động liên tục đó.

Thứ ba, tăng trưởng dân số giảm nhanh khi quốc gia trong giai đoạn tăng trưởng

GDP/người lên đến 10000 USD, sau đó duy trì mức tăng trưởng dân số thấp dưới 1% trong quá trình tăng trưởng lên hơn 40000USD rồi tiếp tục tăng cao hơn ở các quốc gia có thu nhập cao hơn. Tăng trưởng dân số làm trung hòa khoảng hơn 30% trong tổng tăng trưởng GDP hàng năm của các quốc gia tính chung trên toàn thế giới. Tuy nhiên, tăng trưởng dân số là cơ sở cho gia tăng lực lượng lao động và tăng cầu tiêu dùng. Vì vậy, xây dựng chính sách phát triển dân số hợp lý cũng rất quan trọng trong xây dựng chính sách của các quốc gia.

Thứ tư, chỉ trừ hai năm 2010 và 2011, các năm còn lại từ 2012 - 2019 chứng kiến đa số các nền kinh tế tăng trưởng GDP/người dựa vào động cơ chính là hiệu ứng phân bổ lao động, tức là dựa vào dịch chuyển lao động giữa các ngành và tăng quy mô lao động trong mỗi ngành. Hiệu ứng này thường đóng góp hơn một nửa số điểm phần trăm và là bệ đỡ ổn định trong tăng trưởng GDP/người hàng năm của các quốc gia, không chỉ ở các nước đang phát triển và các nước nghèo, mà ở cả các nước phát triển. Đóng góp của hiệu ứng này khá cao khi quốc gia ở dưới mức GDP/người là 5000 USD, nhưng giảm nhanh sau mức thu nhập đó. Con đường từ 5000 - 1000 USD/người là một con đường dài chật vật với sự suy giảm đóng góp của hiệu ứng phân bổ và những khó khăn trong gia tăng năng suất nội ngành. Do vậy, để đảm bảo giữ được hiệu ứng phân bổ lao động như một bệ đỡ ổn định cho tăng trưởng kinh tế, các quốc gia cần quan tâm đến khả năng dịch chuyển lao động giữa các ngành và phân bổ lao động hợp lý. Các hoạt động đào tạo lao động, thông tin việc làm, giảm quản lý hành chính việc di chuyển của lao động, cần được chú ý thực hiện để đảm bảo một thị trường lao động có khả năng dịch chuyển lao động tốt giữa các ngành. Hiện đại hóa các ngành, tạo ra các khu vực có việc làm với thu nhập cao cũng là động lực quan trọng cho nâng cao năng suất và dịch chuyển lao động giữa các ngành.

Thứ năm, tăng năng suất ngành đóng vai trò mờ nhạt trong tăng trưởng GDP/người của các quốc gia nói chung, nhưng lại là yếu tố quan trọng để tạo ra tăng trưởng cao ở các nền kinh tế nổi bật về thành tựu bứt phá tăng trưởng như Trung Quốc, Việt Nam, Malaysia,... Vì vậy, để có được mức tăng GDP/người một cách bền vững, các quốc gia cần chú ý nâng cao năng suất nội ngành song song với việc chú trọng phân bổ lao động hợp lý. Việc tạo ra các khu vực có việc làm với thu nhập cao cũng là động lực quan trọng cho nâng cao năng suất và dịch chuyển lao động. Nếu chỉ dựa vào thay đổi quy mô lao động và dịch chuyển lao động giữa các ngành thì thành tích tăng trưởng GDP sẽ hội tụ quanh mức hơn 2 điểm %, trừ giai đoạn đầu của quá trình tăng trưởng.

Cuối cùng, quy luật về sự suy giảm tác động của tái phân bổ lao động khi các quốc gia dịch chuyển lên mức thu nhập cao không đúng với giai đoạn 2012 - 2019. Các quốc gia có thu nhập cao vẫn dựa vào động cơ chính là tái phân bổ lao động giữa các ngành để tăng trưởng. Mặc dù giai đoạn này chỉ bao gồm 8 năm, nhưng cũng đủ để đặt ra vấn đề cần nhìn nhận lại các lý thuyết về vai

trò của hiệu ứng phân bổ trong quá trình phát triển kinh tế của mỗi quốc gia.

Tài liệu tham khảo

Bùi Thị Hoàng Mai (2017). Các yếu tố đóng góp vào tăng trưởng kinh tế Việt Nam theo cách tiếp cận phân tích dịch chuyển tỷ trọng. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*. Số 18 tháng 6/2017 (658). Tr. 3 - 7.

Nguyễn Thị Tuệ Anh và cộng sự (2007). Đánh giá đóng góp của các ngành kinh tế và chuyển dịch cơ cấu ngành tới tăng trưởng năng suất lao động ở Việt Nam. *Đề tài khoa học cấp bộ*.

Nguyễn Thị Tuệ Anh và cộng sự (2015). Chuyển dịch cơ cấu ngành và đóng góp của chuyển dịch cơ cấu ngành vào chất lượng tăng trưởng kinh tế Việt Nam. *Đề tài khoa học cấp bộ*.

Võ Xuân Hoài và Bùi Thị Hoàng Mai (2020). Các động lực chính tạo ra tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2008 - 2018. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*. Số 36 tháng 12/2020 (754). Tr.7 - 12.

Smith, Adam (1776). An Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations. *New York: Random House*, 1937.

Solow, Robert M. (1956). A Contribution to the Theory of Economic Growth. *Quarterly Journal of Economics,* 70, February, 65-94.

Swan, Trevor W. (1956). Economic Growth and Capital Accumulation. *Economic Record,* 32, November, 334-361.

Ramsey, Frank (1928). A Mathematical Theory of Saving. *Economic Journal,* 38, December, 543-559.

Ricardo, David (1817). On the Principles of Political Economy and Taxation. *Cambridge: Cambridge University Press*, 1951.

Malthus, Thomas R. (1798). An Essay on the Principle of Population. *London: W. Pickering*, 1986.

Young, Allyn (1928). Increasing Returns and Economic Progress. *Economic Journal,* 38, December, 527-542

Harrod, Roy F. (1939). An Essay in Dynamic Theory. *Economic Journal*, 49, June, 14-33

Domar, Evsey D. (1946). Capital Expansion, Rate of Growth, and Employment. *Econometrica*, 14, April, 137-147.

Phụ lục 1: Mối quan hệ giữa GDP/người và các động cơ tăng trưởng kinh tế tính chung cho các quốc gia các năm từ 2010 - 2019

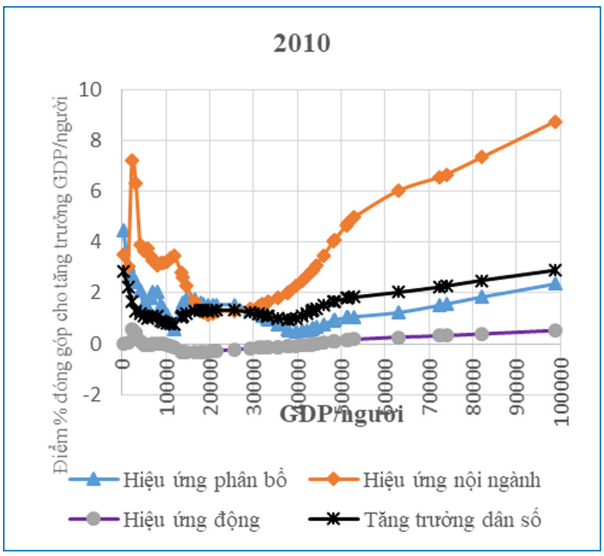

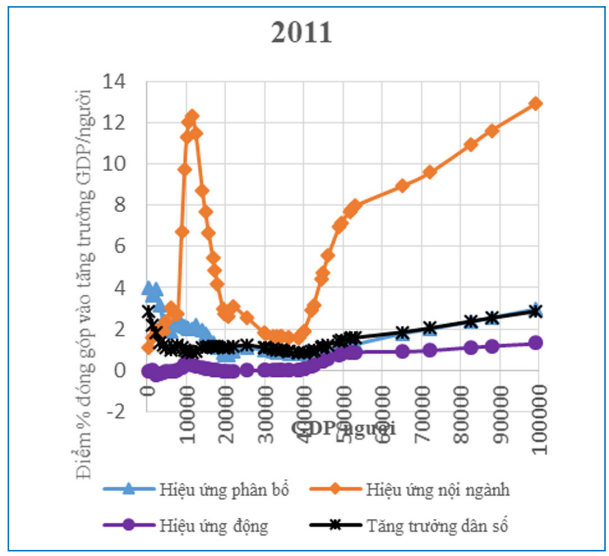

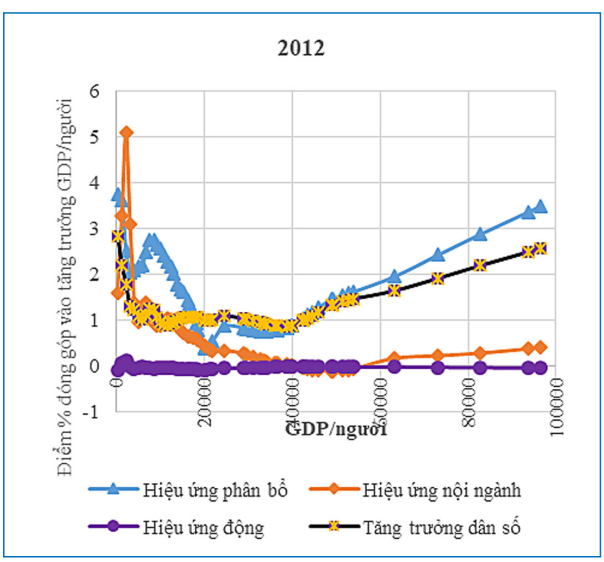

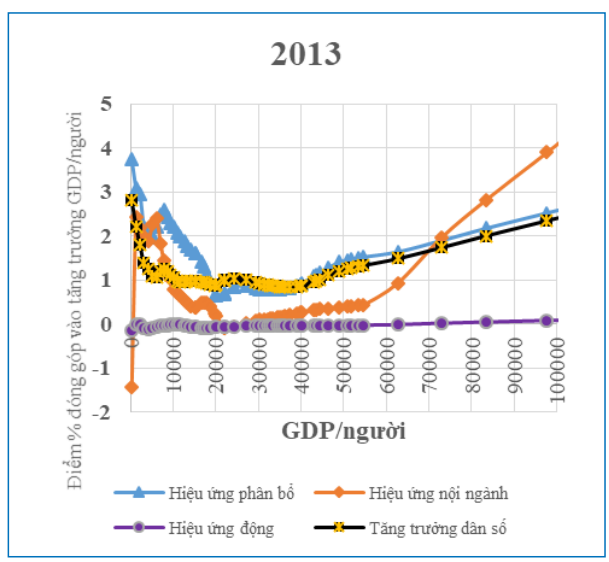

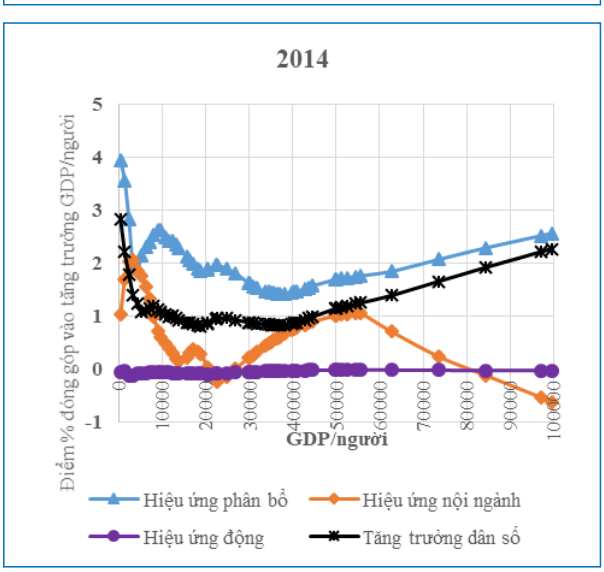

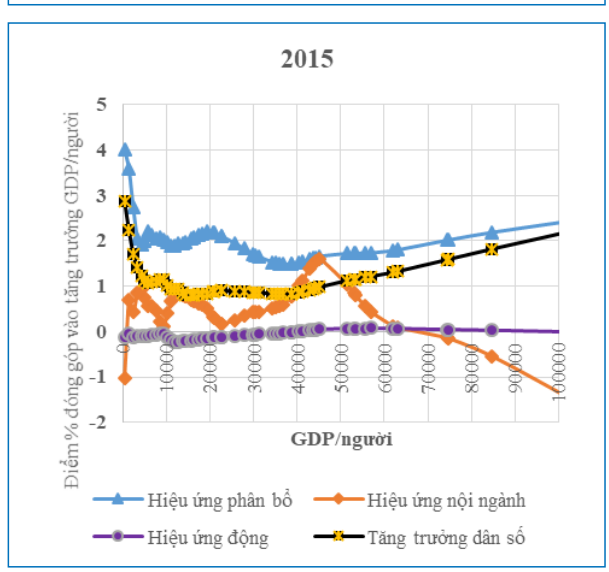

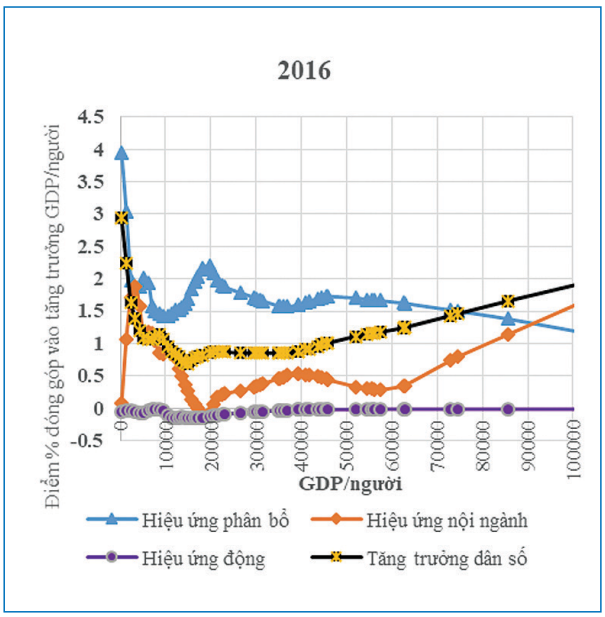

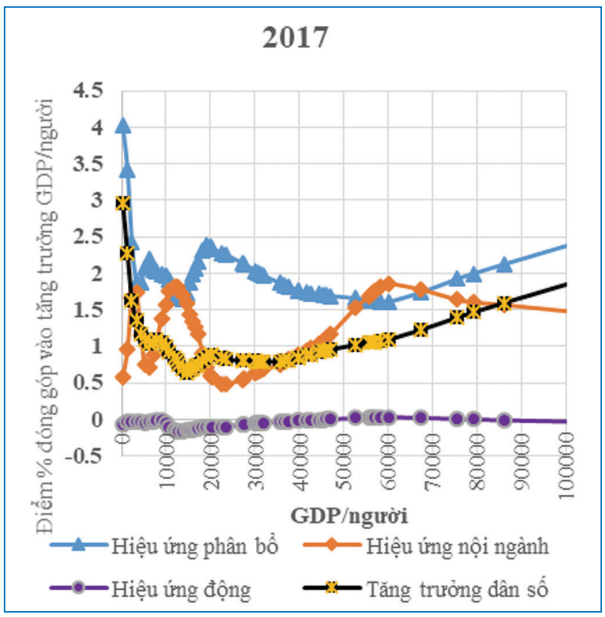

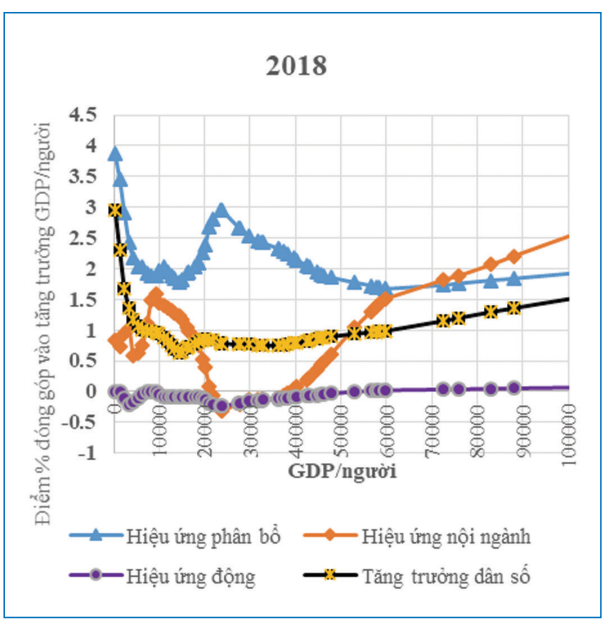

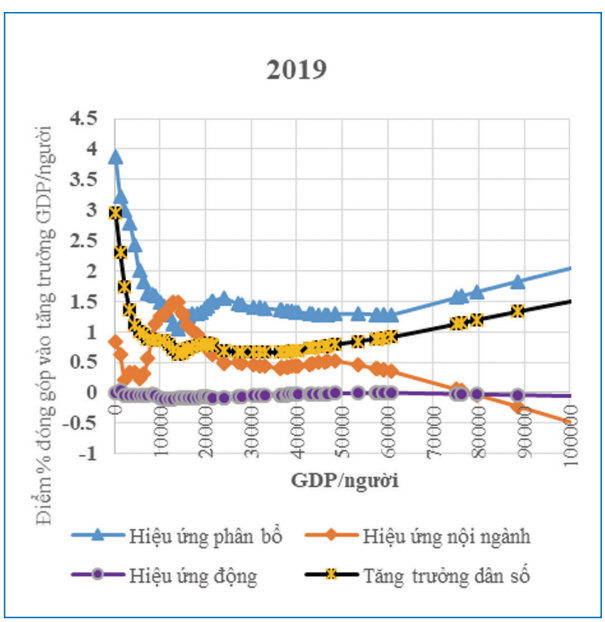

Nguồn: Tính toán của tác giả từ dữ liệu WDI